Tỉnh ủy Thái Nguyên
05.08.2024 08:21:56 -
07:00

TỈNH UỶ THÁI NGUYÊN * Số 186-KH/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Thái Nguyên, ngày 30 tháng 7 năm 2024*

KẾ HOẠCH

Đại hội đảng bộ các cấp tỉnh Thái Nguyên tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

---

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 35-CT/TW), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức đại hội Đảng bộ các cấp trong tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Các cấp uỷ đảng tập trung quán triệt, triển khai, lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tiến hành đại hội đảm bảo đúng yêu cầu, nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của cấp uỷ cấp trên trực tiếp về Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; kiểm điểm, đánh giá sâu sắc, toàn diện sự lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ qua, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ mới; xây dựng, củng cố, kiện toàn cấp ủy, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn đảng bộ tỉnh; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị tham gia xây dựng Đảng, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và niềm tin của cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với Đảng. Đại hội Đảng các cấp phải thật sự trở thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân.

2. Công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp phải thực hiện theo đúng quy định, nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu các cấp; bảo đảm an toàn, thiết thực, hiệu quả, không phô trương hình thức, lãng phí, tiêu cực.

3. Nâng cao chất lượng văn kiện đại hội đảng bộ các cấp; tập trung lãnh đạo tổ chức thảo luận kỹ lưỡng, sâu sắc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng lớn nêu tại dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và đại hội đảng bộ cấp trên; dự báo được tình hình, xác định rõ thế mạnh, định hướng, trọng tâm phát triển gắn với chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội chung của khu vực và cả nước. Báo cáo chính

trị phải đánh giá trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2020-2025, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đồng thời, xác định rõ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới sát với tình hình thực tế và có tính khoa học, khả thi cao.

4. Công tác nhân sự phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, cấp ủy các cấp và đề cao vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu theo quy định. Bảo đảm sự kế thừa, đổi mới và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; đề cao, coi trọng chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, tăng cường ở các vị trí, địa bàn, lĩnh vực quan trọng, trọng yếu. Cấp ủy khóa mới phải tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, trí tuệ, phẩm chất, đạo đức, lối sống, năng lực, uy tín; thật sự là trung tâm đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, thống nhất ý chí và hành động; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tầm nhìn, tư duy đổi mới, gắn bó mật thiết với Nhân dân; có năng lực lãnh đạo, cầm quyền, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới để thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

5. Công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử phải thực hiện nghiêm, đúng nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, chặt chẽ, dân chủ, khoa học, khách quan, công tâm, minh bạch, trách nhiệm giải trình; bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao; làm thận trọng từng bước, "làm đến đâu chắc đến đó"; gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch, chuẩn bị nhân sự lãnh đạo các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhiệm kỳ tới. Chú trọng phát hiện, lựa chọn, giới thiệu những cán bộ tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, đã kinh qua thực tiễn, có thành tích, kết quả, sản phẩm công tác và quan tâm cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Đánh giá cán bộ phải toàn diện, khách quan, thực chất, đúng quy định, đúng thẩm quyền; lấy phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, hiệu quả công tác và uy tín của cán bộ làm thước đo, tiêu chí cơ bản để đánh giá. Phải kế thừa, đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác thẩm định nhân sự trên cơ sở mở rộng, phát huy tối đa trách nhiệm của cơ quan chức năng; chủ động rà soát, thẩm tra, thẩm định chặt chẽ, kỹ lưỡng tiêu chuẩn, điều kiện, kê khai tài sản, thu nhập, thông tin, trách nhiệm của nhân sự liên quan đến các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán hoặc vụ án, vụ việc của các cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận và kết quả giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo,… Không sử dụng thông

tin giả, thông tin không phải của cơ quan có thẩm quyền, thông tin không chính thức trên Internet, mạng xã hội, thông tin, dư luận xấu chưa được kiểm chứng liên quan đến nhân sự và công tác chuẩn bị nhân sự.

Rà soát kỹ lưỡng, không bỏ "sót" những người thật sự có đức, có tài; đồng thời, kiên quyết không để "lọt" vào cấp ủy khóa mới những người: Bản lĩnh chính trị không vững vàng, không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; phẩm chất, đạo đức, năng lực, uy tín giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém, mất đoàn kết; né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, tư duy nhiệm kỳ, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, cục bộ, "lợi ích nhóm", có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa",...; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vi phạm tiêu chuẩn chính trị, những điều đảng viên không được làm và quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều tài sản mà không giải trình rõ được nguồn gốc; vi phạm trách nhiệm nêu gương, để bản thân hoặc vợ (chồng), con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức, quyền để thu lợi bất chính; để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc xảy ra tham nhũng, thất thoát lớn, vụ việc tiêu cực gây ảnh hưởng xấu ở địa phương, cơ quan, đơn vị trong thời gian phụ trách. Nhân sự không trúng cử cấp ủy cấp dưới, thì không giới thiệu để bầu cấp ủy cấp trên.

6. Đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải là những đồng chí có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng cách mạng, tiêu biểu về phẩm chất đạo đức, lối sống và năng lực công tác, đại diện cho trí tuệ của đảng bộ để tham gia, đóng góp vào các nội dung của đại hội.

7. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải thường xuyên làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, nhất là công tác thông tin, tuyên truyền, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, lấy "cái đẹp" dẹp "cái xấu"; tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề tồn đọng kéo dài gây bức xúc mà dư luận, cán bộ, đảng viên, Nhân dân quan tâm. Chủ động, tích cực, có biện pháp đấu tranh hiệu quả đối với những âm mưu, thủ đoạn chống phá, gây rối nội bộ của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị, bất mãn để bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, bảo vệ chế độ.

8. Coi trọng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội... của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết đại hội Đảng các cấp đã đề ra.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai Chỉ thị số 35-CT/TW, các văn bản của Trung ương, của cấp ủy cấp trên và Kế hoạch đại hội đảng bộ các cấp của tỉnh

1.1. Tham gia các hội nghị quán triệt, triển khai các văn bản của Trung ương do Trung ương tổ chức (theo Kế hoạch của các cơ quan Trung ương).

1.2. Tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản của Trung ương và kế hoạch đại hội đảng bộ các cấp.

a. Cấp tỉnh:

- Thành phần dự quán triệt, triển khai: Các đồng chí Tỉnh ủy viên và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Báo Thái Nguyên, Trường Chính trị tỉnh, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn và người đứng đầu các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; bí thư các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

- Nội dung:

+ Tiếp tục quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các văn bản hướng dẫn của Trung ương về công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội.

+ Triển khai Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

b. Cấp huyện:

- Thành phần dự quán triệt, triển khai: Các đồng chí cấp ủy viên và ủy viên ủy ban kiểm tra cấp uỷ; trưởng, phó các ban đảng, trung tâm chính trị; trưởng các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn; bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc.

- Nội dung: Quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội của Trung ương, của tỉnh và kế hoạch tổ chức đại hội của cấp trên cơ sở.

c. Cấp cơ sở:

- Thành phần dự quán triệt, triển khai:

+ Đối với đảng bộ cơ sở, thành phần gồm: Các ủy viên ban chấp hành đảng bộ, bí thư, phó bí thư các chi bộ (đảng bộ bộ phận) trực thuộc.

+ Đối với chi bộ cơ sở triển khai tới toàn thể đảng viên.

- Nội dung: Quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội của cấp ủy cấp trên và kế hoạch tổ chức đại hội của cơ sở.

2. Công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp

2.1. Nội dung đại hội đảng bộ các cấp

Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện 4 nội dung sau: *(1)* Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030. *(2)* Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp. *(3)* Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030. *(4)* Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Những nơi thực sự có khó khăn về công tác chuẩn bị nhân sự, được cấp ủy có thẩm quyền đồng ý, thì đại hội với 3 nội dung, chưa tiến hành bầu cấp ủy khóa mới.

2.2. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận

- Dự thảo văn kiện của cấp ủy trình đại hội gồm hai báo cáo chủ yếu:

+ Báo cáo chính trị của đảng bộ là báo cáo trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác; báo cáo phải đánh giá toàn diện khách quan, trung thực tình hình, kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; đồng thời, tiếp thu những quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, của cấp trên, dự báo được tình hình để đề ra phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có tính khả thi cho nhiệm kỳ 2025 - 2030, chú ý các nhiệm vụ, giải pháp đột phá với tầm nhìn dài hạn.

+ Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; đánh giá đúng, khách quan, toàn diện, trung thực về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá XI, XII, XIII gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định những điều đảng viên không được làm và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời, phải đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Việc xây dựng, đóng góp ý kiến vào văn kiện:

+ Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện đại hội phải phát huy dân chủ,

trí tuệ tập thể, dành thời gian hợp lý để tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; có hình thức phù hợp, thiết thực để lấy ý kiến các đồng chí cán bộ lão thành, cán bộ nguyên lãnh đạo, giới trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và ý kiến tham gia, góp ý, hiến kế của cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Có kế hoạch tuyên truyền về dự thảo báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến. Các cấp ủy chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội để đại hội thảo luận, quyết định.

+ Đại hội các cấp phải dành thời gian thỏa đáng, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của đại biểu; trong thảo luận cần hết sức cầu thị, lắng nghe, tôn trọng ý kiến lẫn nhau, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao, nhất là đối với những vấn đề mới, vấn đề khó.

3. Về công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy

3.1. Tiêu chuẩn cấp ủy viên

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; tiêu chuẩn cán bộ nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017, Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khóa XII, Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Cấp ủy các cấp căn cứ vào yêu cầu, tiêu chuẩn chung nêu tại Chỉ thị của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh để cụ thể hóa cho phù hợp với tình hình, đặc điểm ở cấp mình theo quy định (*Phụ lục 1*).

3.2. Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy (*là thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp*): Cấp cơ sở tháng 4/2025; cấp huyện và tương đương tháng 6/2025; cấp tỉnh tháng 9/2025.

Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, đoàn đại biểu Quốc hội tháng 5/2026.

Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội ở các cấp của mỗi tổ chức.

3.3. Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải còn thời gian công tác ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp, thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 3.2 nêu trên.

Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy phải còn thời gian công tác ít nhất từ 1/2 nhiệm kỳ (*30 tháng*) trở lên; đối với cấp ủy cơ sở trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp còn thời gian công tác từ 1 năm *(12 tháng)* trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp (*Phụ lục 2*).

Cán bộ tái cử cấp ủy thì được tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội nhưng phải còn thời gian công tác ít nhất 18 tháng trở lên tại thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức. Thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 3.2 nêu trên.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII thực hiện quy định về độ tuổi tái cử theo Phương hướng công tác nhân sự Đại hội XIV của Đảng.

3.4. Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ và phó bí thư cấp ủy

(1) Cơ cấu cấp ủy:

- Phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng; coi trọng chất lượng, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; thực hiện chủ trương không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy; thực hiện thống nhất những chức danh có cơ cấu định hướng tham gia ban thường vụ theo Chỉ thị 35-CT/TW, số chức danh còn lại do cấp ủy quyết định theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ của địa phương, đơn vị.

- Việc chuẩn bị nhân sự cần kết hợp hài hòa giữa nguồn nhân sự tại chỗ với việc điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến. Các địa phương, đơn vị có cơ cấu cấp ủy nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, điều động nhân sự từ nơi khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy hoặc bổ sung sau đại hội.

- Cơ bản thực hiện bố trí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân ở các cấp. Thực hiện bố trí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp huyện, cấp xã đối với những nơi có đủ điều kiện (*địa phương có quy mô hợp lý; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao; được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý*).

- Mỗi đồng chí trong thường trực cấp ủy cấp tỉnh cơ bản không giữ quá 2 chức danh trong các chức danh lãnh đạo tỉnh: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân, trưởng đoàn đại biểu Quốc hội; trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Hoàn thành 100% ở cấp huyện việc thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương gắn với việc sử dụng, bố trí hài hòa nguồn cán bộ tại chỗ trong quy hoạch; khuyến khích thực hiện ở cấp xã và các chức danh khác.

- Phân công, bố trí công tác mới hoặc giới thiệu ứng cử ở địa phương, cơ quan, đơn vị khác đối với các đồng chí bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương đã giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp (*từ 8 năm trở lên*) tại một địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Phấn đấu đạt tỉ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ; tỉ lệ cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp huyện; dưới 40 tuổi đối với cấp xã*) từ 10% trở lên (*tính cho cả nhiệm kỳ*); tỉ lệ cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Cấp ủy và người đứng đầu các cấp có thẩm quyền phải có trách nhiệm, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, đề bạt, bố trí cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy khóa mới theo quy định.

- Phấn đấu đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên trong mỗi nhiệm kỳ. Thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong cấp ủy và phấn đấu thực hiện trong ban thường vụ, thường trực cấp ủy.

- Vào đầu nhiệm kỳ, những nơi nào chưa bầu đủ số lượng, tỉ lệ, cơ cấu cấp ủy theo Chỉ thị của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thì trong nhiệm kỳ phải chủ động chuẩn bị nhân sự để kiện toàn, bổ sung theo quy định.

- Cơ cấu cấp ủy, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy và việc đổi mới cấp ủy đối với đảng bộ trong lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị có tính chất đặc thù theo hướng dẫn của Trung ương và ngành dọc cấp trên.

(2) Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy:

- Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy các cấp quy định tại Phụ lục 3.

- Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện và tình hình đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên; cấp ủy khóa mới quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy trên cơ sở quy định của cấp ủy có thẩm quyền.

3.5. Quy trình nhân sự cấp ủy

- Quy trình nhân sự, gồm: *(1)* Quy trình giới thiệu nhân sự tái cử cấp ủy, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp ủy. *(2)* Quy trình giới thiệu nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp ủy (*Phụ lục 4*).

3.6. Thực hiện bầu cử trong đại hội

- Việc bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội đối với cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở (*không thực hiện đối với các đảng bộ trong Quân đội, Công an*) ở những nơi có đủ điều kiện (*nội bộ đoàn kết, thống nhất; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao; được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý*).

- Đối với những nơi đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy, thì đại hội phải thực hiện việc lấy phiếu giới thiệu nhân sự bí thư cấp ủy trong số các đồng chí vừa trúng cử vào cấp ủy khóa mới. Trường hợp đại hội giới thiệu nhân sự khác với phương án nhân sự đã được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt, thì không tiến hành bầu cử và phải báo cáo cấp ủy cấp trên cho ý kiến chỉ đạo.

4. Cơ cấu số lượng đại biểu và việc bầu đại biểu dự đại hội cấp trên

- Số lượng đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp như sau: *(1)* Đại hội đảng bộ tỉnh từ 300 đến 350 đại biểu. *(2)* Đại hội đảng bộ cấp huyện và tương đương không quá 300 đại biểu. *(3)* Đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên thì tiến hành đại hội đảng viên; có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu. Trường hợp đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên nếu có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì tổ chức đại hội đại biểu; số lượng đại biểu do cấp trên trực tiếp quyết định.

- Cơ cấu đại biểu cơ bản thực hiện như các nhiệm kỳ gần đây, đảm bảo hợp lý thành phần, cơ cấu, giới tính, dân tộc; ổn định về số lượng, cơ cấu đại biểu ở khối địa phương và bảo đảm có từ 1 đến 2 đại biểu ở ngành, lĩnh vực quan trọng (*không tính đại biểu đương nhiệm*) để nâng cao chất lượng thảo luận, phản biện, đóng góp ý kiến tại đại hội.

- Việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên trực tiếp về số lượng, cơ cấu đại biểu đại hội đảng bộ các cấp.

- Đại hội đảng bộ các cấp được bầu một số đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt; số lượng do đại hội quyết định.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phân bổ đại biểu dự đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI cho các đảng bộ trực thuộc. Thời gian hoàn thành trước **30/3/2025**.

5. Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp

5.1. Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu chi, đảng bộ cơ sở không quá **02** ngày, bắt đầu từ tháng 4/2025, hoàn thành trước ngày **30/6/2025.**

Ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng uỷ trực thuộc tỉnh chọn từ 01 đến 02 chi, đảng bộ cơ sở chỉ đạo đại hội điểm để rút kinh nghiệm. Thời gian tổ chức đại hội điểm đối với chi, đảng bộ cơ sở **trong tháng 01/2025**.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn Đảng bộ Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên và Đảng bộ xã Động Đạt, huyện Phú Lương để chỉ đạo đại hội điểm cấp cơ sở. Thời gian đại hội điểm **trong tháng 01/2025.** Sau tổ chức đại hội điểm, thực hiện đánh giá rút kinh nghiệm để chỉ đạo đại hội cấp cơ sở ở diện rộng.

5.2. Đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện và tương đương không quá **03** ngày; hoàn thành trước ngày **31/8/2025**.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chọn Đảng bộ huyện Đại Từ và Đảng bộ Công an tỉnh để chỉ đạo đại hội điểm cấp huyện. Thời gian đại hội điểm **trong tháng 04/2025.** Sau tổ chức đại hội điểm, thực hiện đánh giá rút kinh nghiệm để chỉ đạo đại hội đảng bộ cấp huyện và tương đương ở diện rộng.

5.3. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh không quá **04** ngày, hoàn thành trước ngày **31/10/2025**.

5.4. Thời gian họp trù bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội, đối với cấp huyện và tương đương trở lên không quá 1/2 ngày.

5.5. Dừng việc bổ sung cấp ủy viên và ủy viên ban thường vụ cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 trước 6 tháng tính đến thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội ở mỗi cấp (*cấp cơ sở trước tháng 10/2024; cấp huyện và tương đương trước tháng 12/2024; cấp tỉnh trước tháng 3/2025*). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Việc phân công, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ sau đại hội

- Thực hiện việc phân công cấp ủy viên khóa mới ngay sau đại hội theo phương án nhân sự đại hội và yêu cầu tình hình thực tiễn.

- Đối với cán bộ không tái cử (*cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*), nhưng còn thời gian công tác từ 24 tháng đến dưới 30 tháng, nếu còn đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khỏe và có nguyện vọng công tác, thì xem xét, bố trí công việc phù hợp (*trừ cán bộ có nguyện vọng nghỉ hưu sớm, thì cho nghỉ hưu trước tuổi nhưng không bị trừ tỉ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi và được hưởng trợ cấp một lần theo quy định của pháp luật*). Cán bộ còn dưới 24 tháng mới đến tuổi nghỉ hưu, nếu địa phương, cơ quan, đơn vị có khó khăn,

không thể sắp xếp, bố trí, thì cần chủ động làm tốt công tác tư tưởng, động viên cán bộ nghỉ công tác, cơ bản giữ nguyên chế độ và chờ đủ tuổi nghỉ hưu. Cán bộ không đủ tuổi tái cử hoặc có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thì kịp thời giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Cán bộ ở cấp xã không tái cử thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI và quy định của pháp luật.

- Về thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và các chức danh lãnh đạo có cơ cấu cấp uỷ nhưng không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 thực hiện như sau:

Các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp uỷ thì cho thôi giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của hội đồng nhân dân sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân, nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu hội đồng nhân dân, thì để đồng chí đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

7. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, thành lập các tiểu ban đại hội

- Ban hành Kế hoạch tổ chức đại hội Đảng bộ các cấp; hướng dẫn công tác nhân sự đại hội Đảng bộ các cấp; hướng dẫn công tác bảo vệ chính trị nội bộ phục vụ đại hội Đảng (*Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì chuẩn bị, tham mưu*).

- Hướng dẫn công tác tuyên truyền đại hội Đảng bộ các cấp (*Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì chuẩn bị, tham mưu*).

- Triển khai quy định, hướng dẫn công tác nhân sự ủy ban kiểm tra cấp ủy, công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo phục vụ đại hội Đảng (*Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì chuẩn bị, tham mưu*).

- Hướng dẫn chuẩn bị các văn kiện đại hội (*báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ và dự thảo nghị quyết đại hội*). (*Văn phòng Tỉnh uỷ chủ trì chuẩn bị, tham mưu*).

- Hướng dẫn thảo luận, tham gia ý kiến và tổng hợp ý kiến thảo luận các dự thảo văn kiện đại hội (*Văn phòng Tỉnh uỷ chủ trì chuẩn bị, tham mưu*).

- Hướng dẫn thực hiện chế độ chi phục vụ đại hội Đảng bộ các cấp (*Văn phòng Tỉnh uỷ chủ trì chuẩn bị, tham mưu*).

- Thành lập các tiểu ban: Tiểu ban văn kiện, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban tổ chức - phục vụ để giúp cấp uỷ chuẩn bị dự thảo các văn kiện, công tác nhân sự, công tác tuyên truyền, phục vụ đại hội (*Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì chuẩn bị, tham mưu*).

Các Tiểu ban xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ từng thành viên và ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện theo nhiệm vụ của từng Tiểu ban, có thể thành lập tổ công tác giúp việc Tiểu ban.

- Phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đồng chí Tỉnh ủy viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội ở các đảng bộ trực thuộc tỉnh. (*Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì chuẩn bị, tham mưu*).

*Thời gian thực hiện các nội dung trên hoàn thành trước ngày **15/8/2024**.*

Các huyện ủy, thành ủy và các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ các quy định ban hành các văn bản, hướng dẫn sát với thực tế các đảng bộ.

8. Công tác tổng kết, sơ kết các chương trình, kế hoạch, đề án, chuyên đề

Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức tổng kết các nghị quyết, đề án, chương trình về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Các huyện, thành ủy, đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc sơ kết các chương trình, đề án, các chuyên đề ở cấp mình.

Thời gian sơ, tổng kết trước tháng **5/2025.**

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ tổ chức quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và xây dựng kế hoạch thực hiện ở cấp mình; lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị đại hội đối với các đảng bộ trực thuộc; làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền gắn với các phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp và kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2025.

2. Cấp ủy các cấp thành lập các tiểu ban giúp việc chuẩn bị và tổ chức đại hội; phân công ủy viên thường vụ, cấp uỷ viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đảng bộ cấp dưới (*nếu có*); tổ chức đại hội điểm để rút kinh nghiệm; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ đối với các đảng bộ có khó khăn hoặc có vấn đề phức tạp nảy sinh.

Ban thường vụ cấp uỷ cấp dưới báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và đề án nhân sự cấp uỷ khóa mới, khi được ban thường vụ cấp trên trực tiếp đồng ý mới tiến hành đại hội. Sau khi Ban

Thường vụ Tỉnh uỷ đồng ý về báo cáo chính trị và nhân sự cấp ủy thì các huyện ủy, thành ủy, đảng uỷ trực thuộc mới đăng ký thời gian và tiến hành tổ chức đại hội.

3. Sau đại hội, cấp ủy khoá mới tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội; tiến hành kiện toàn ngay các chức danh lãnh đạo cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026, đồng thời chuẩn bị nhân sự lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khoá XVI, nhân sự lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định. Xây dựng quy chế làm việc, chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết đại hội.

4. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành (nếu có) quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, cán bộ diện sắp xếp theo thẩm quyền, đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp; tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo quy định.

T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ



Trịnh Việt Hùng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- Uỷ ban Kiểm tra Trung ương,
- Văn phòng Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn trực thuộc,
- Các huyện ủy, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (5b),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (90).

PHỤ LỤC 1

TIÊU CHUẨN CẤP ỦY VIÊN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 186-KH/TU, ngày 30/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

1. Tiêu chuẩn chung

Tiêu chuẩn cấp uỷ viên các cấp cơ bản thực hiện theo Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị khoá XII; trong đó nhấn mạnh một số tiêu chuẩn sau:

(1) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

(2) Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch; không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm",... Không để vợ hoặc chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

(3) Có năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có thành tích, kết quả công tác, "sản phẩm" cụ thể trong địa bàn, lĩnh vực công tác được giao.

(4) Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

(5) Cán bộ được giới thiệu để bầu tham gia cấp uỷ, các chức danh lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội (*chức vụ cao hơn*), nhìn chung phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 2 năm (*24 tháng*); trường hợp đặc biệt có thời gian giữ chức vụ ít nhất là 1 năm (*12 tháng*), do cấp uỷ có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định.

(6) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định của Đảng.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

(1) Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp ủy cấp tỉnh (bí thư, phó bí thư Tỉnh ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh): Thực hiện theo Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

(2) Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp tỉnh và các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Căn cứ vào tiêu chuẩn chung *(nêu tại mục 1)* và quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

(3) Tiêu chuẩn cấp ủy viên cấp huyện; cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cấp cơ sở và các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương quản lý: Ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc tỉnh căn cứ tiêu chuẩn chung *(nêu tại Mục 1)* và các quy định có liên quan, có trách nhiệm quy định cụ thể cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn.

PHỤ LỤC 2

ĐỘ TUỔI CẤP ỦY VIÊN NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 186-KH/TU, ngày 30/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

---

1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp uỷ

1.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9/1968, nữ sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây *(trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây).*

1.2. Đối với cấp huyện: Nam sinh từ tháng 6/1968, nữ sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây *(trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây).*

1.3. Đối với cấp xã:

- Cán bộ, công chức cấp xã (theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ): Nam sinh từ tháng 4/1968; nữ sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây.

- Trưởng công an xã: Còn thời gian công tác ít nhất 5 năm (*60 tháng*) theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (*sửa đổi, bổ sung năm 2023*).

- Cán bộ hoạt động không chuyên trách: Thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp uỷ

2.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 4/1966, nữ sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây *(trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 3/1968 trở lại đây).* Các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng khoá XIII thực hiện độ tuổi tái cử theo Phương hướng công tác nhân sự Đại hội XIV của Đảng.

2.2. Đối với cấp huyện: Nam sinh từ tháng 3/1966, nữ sinh từ tháng 8/1970 trở lại đây *(trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 12/1967 trở lại đây).*

2.3. Đối với cấp xã:

- Cán bộ công chức cấp xã: Nam sinh từ tháng 01/1966, nữ sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây.

- Trưởng công an xã: Còn thời gian công tác ít nhất 30 tháng theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (*sửa đổi, bổ sung năm 2023*).

- *Cán bộ hoạt động không chuyên trách:* Thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

2.4. Đối với lực lượng vũ trang: Độ tuổi tham gia cấp uỷ căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam (*sửa đổi, bổ sung năm 2023*). Các đồng chí tham gia cấp uỷ địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp uỷ các cấp theo Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

Các đồng chí tham gia cấp uỷ trong quân đội, công an tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 1/2 nhiệm kỳ *(30 tháng đối với nhiệm kỳ 5 năm)*; trường hợp đặc biệt còn tuổi công tác từ 1 năm *(12 tháng)* đến dưới 30 tháng phải là các đồng chí có năng lực, đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, uy tín cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quyết định.

2.5. Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp:

a. Các đồng chí bí thư là thủ trưởng, phó bí thư cấp uỷ cơ sở trong các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp; bí thư hoặc phó bí thư là chủ tịch hội đồng thành viên *(hội đồng quản trị)*, tổng giám đốc, phó bí thư chuyên trách công tác đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại nhà nước còn thời gian công tác từ 1 năm *(12 tháng)* trở lên, do cấp có thẩm quyền quyết định.

b. Về độ tuổi tái cử cấp ủy cơ sở đối với cán bộ trong cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và các loại hình tổ chức khác thực hiện theo quy định tại Điểm a mục 2.5 nêu trên.

PHỤ LỤC 3

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP UỶ VIÊN, UỶ VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP UỶ CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 186-KH/TU, ngày 30/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

I. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP UỶ VIÊN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Số lượng

Số lượng cấp uỷ viên cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện như nhiệm kỳ 2015 - 2020, cụ thể:

- Số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 là 53 đồng chí. Cán bộ được Trung ương điều động, luân chuyển giữ chức vụ bí thư, phó bí thư Tỉnh ủy hoặc phó bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nằm trong số lượng cấp ủy nêu trên.

- Số lượng cấp ủy viên cấp huyện và tương đương:

+ Đối với cấp huyện: Số lượng cấp ủy viên nhiệm kỳ 2025 - 2030 từ 29 - 41 đồng chí (*riêng đảng bộ thành phố Thái Nguyên, đảng bộ huyện Đại Từ có thể nhiều hơn số lượng cấp ủy viên tối đa nêu trên nhưng không quá 43 đồng chí*).

+ Đối với Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh: Số lượng cấp ủy viên nhiệm kỳ 2025 - 2030 từ 25 - 27 đồng chí.

+ Đối với các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tương đương cấp huyện: Số lượng cấp ủy viên nhiệm kỳ 2025 - 2030 từ 21 - 27 đồng chí.

Cán bộ được tỉnh điều động, luân chuyển giữ chức vụ bí thư, phó bí thư huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc hoặc phó bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nằm trong số lượng cấp ủy nêu trên.

+ Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh theo quy định riêng của Bộ Chính trị.

2. Cơ cấu

Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ để xác định cơ cấu cấp uỷ, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp uỷ đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

II. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1.1. Số lượng: 15 đồng chí. Cán bộ được Trung ương điều động, luân chuyển giữ chức vụ bí thư, phó bí thư Tỉnh ủy hoặc phó bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nằm trong số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu trên.

1.2. Định hướng cơ cấu

Bí thư, phó bí thư; chủ tịch và 1 phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch và 1 phó chủ tịch ủy ban nhân dân; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy và trưởng các ban: Tổ chức, tuyên giáo, dân vận, nội chính; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách; người đứng đầu cấp ủy một thành phố trực thuộc tỉnh.

2. Phó Bí thư Tỉnh ủy

Số lượng phó bí thư Tỉnh ủy thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

III. SỐ LƯỢNG UỶ VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP UỶ CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Đối với huyện, thành phố trực thuộc tỉnh

- Số lượng ủy viên ban thường vụ từ 11 đến 13 đồng chí.

- Định hướng cơ cấu ban thường vụ cấp ủy gồm: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch và 1 phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch và 1 phó chủ tịch ủy ban nhân dân; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy và trưởng các ban: Tổ chức, tuyên giáo, dân vận; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc (*ở những nơi không thực hiện trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Mặt trận Tổ quốc*); chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an; người đứng đầu một số địa bàn, lĩnh vực quan trọng cần sự tập trung sự lãnh đạo của ban thường vụ cấp ủy.

- Số lượng phó bí thư 2 đồng chí.

2. Đối với Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh và các Đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy.

Số lượng ủy viên ban thường vụ từ 7 đến 9 đồng chí, phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí.

3. Cán bộ được tỉnh điều động, luân chuyển giữ chức vụ bí thư, phó bí thư huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc hoặc phó bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nằm trong số lượng ủy viên ban thường vụ nêu trên.

IV. CẤP CƠ SỞ

1. Đối với đảng bộ xã, phường, thị trấn

- Số lượng cấp uỷ viên không quá 15 đồng chí; ban thường vụ không quá 5 đồng chí; phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí.

- Cơ cấu tham gia cấp ủy được xây dựng theo nguyên tắc coi trọng chất lượng, đảm bảo sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, công tác Quốc phòng, An ninh; gồm các đảng viên là cán bộ, công chức cấp xã, trưởng công an cấp xã, chỉ huy trưởng quân sự, cán bộ hoạt động không chuyên trách. Định hướng bố trí cơ cấu ban thường vụ cấp uỷ, gồm: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân, chủ tịch hội đồng nhân dân, trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; giao cấp ủy cấp huyện lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể cơ cấu ban thường vụ cấp ủy cấp xã đối với từng đơn vị trực thuộc.

2. Những đảng bộ cơ sở thuộc loại hình khác *(gồm cả đảng bộ cấp cơ sở được giao hoặc thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở theo Quy định số 113-QĐ/TW, ngày 10/7/2023 của Ban Bí thư).*

- Số lượng cấp uỷ viên cơ bản thực hiện như ở nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Cơ cấu cấp ủy do ban thường vụ cấp ủy cấp huyện, ban thường vụ đảng ủy được giao một số quyền cấp trên cơ sở căn cứ vào quy định chung và tình hình, đặc điểm cụ thể của địa phương, đơn vị để hướng dẫn cho phù hợp.

V. ĐẢNG BỘ THỰC HIỆN CHỦ TRƯƠNG HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

Đối với những đảng bộ cấp xã và tương đương thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập theo quy định của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng nêu tại Chỉ thị của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhưng tối đa không quá số lượng hiện có của các đảng bộ trước khi hợp nhất *(không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác)* và chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng phải thực hiện theo quy định nêu tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

VI. ĐẢNG BỘ QUÂN ĐỘI, CÔNG AN

Đảng bộ Quân đội, Công an thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị.

PHỤ LỤC 4

QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ NHÂN SỰ CẤP ỦY CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH ỦY NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 186-KH/TU, ngày 30/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

I. QUY TRÌNH NHÂN SỰ *(các hội nghị thực hiện quy trình nhân sự chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt tham dự).*

1. Quy trình nhân sự tái cử cấp ủy

(1)- Bước 1: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khóa mới được cấp ủy thông qua và danh sách nhân sự cấp ủy đương nhiệm; ban thường vụ cấp ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại các hội nghị.

(2)- Bước 2: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại các hội nghị.

2. Quy trình nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy

(1) Bước 1: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khóa mới được cấp ủy thông qua và trên cơ sở danh sách nguồn nhân sự quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ mới; ban thường vụ cấp ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự quy hoạch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được lựa chọn, giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định[1] trong danh sách nhân sự đã được ban thường vụ thông qua.

---

[1] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 45 người *(tính theo số dư 30%)*. Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 30% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 30%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 2*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 2.

(2) Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị nghiên cứu danh sách trích ngang của nhân sự và ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Thành phần:

+ Ở cấp tỉnh là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

+ Ở cấp huyện là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện; bí thư, phó bí thư các chi, đảng ủy trực thuộc, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

+ Ở các đảng bộ trực thuộc tỉnh là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các phòng, ban và tương đương; bí thư, phó bí thư các chi, đảng ủy trực thuộc và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của đảng ủy.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định[2] và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 25% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 25%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ số dư trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 3*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 3.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

[2] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 43 người *(tính theo số dư 25%)*. Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

(3) Bước 3: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định[3] và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 2.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 20% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 20%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ số dư trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 4*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 4.

(4) Bước 4: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, ban thường vụ cấp ủy thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định[4] và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 15% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 15%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ số dư trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 5*) Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 5.

---

[3] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 40 người *(tính theo số dư 20%)*. Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.
Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

[4] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 38 người *(tính theo số dư 15%)*. Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.
Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

(5) Bước 5: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả phiếu giới thiệu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (*nếu có*) đối với nhân sự; ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định[5] và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 4.

- Nhân sự được lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định (*số lượng được giới thiệu tính theo số dư từ 10 đến 15%*). Trường hợp có hai người trở lên cùng có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì lựa chọn nhân sự do người đứng đầu cấp ủy giới thiệu.

*** Lưu ý:**

- Kết quả kiểm phiếu ở các bước 1, 3, 4, 5 được công bố tại hội nghị; kết quả kiểm phiếu ở bước 2 không công bố tại hội nghị.

- Đối với cấp cơ sở có khó khăn về nguồn nhân sự, giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy hướng dẫn cụ thể về số lượng ở các bước bảo đảm số lượng nhân sự được giới thiệu có số dư từ 10 - 15% so với tổng số cấp ủy viên được bầu.

II- DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình.

2. Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu *(kèm theo Biên bản kiểm phiếu ở các bước).*

3. Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*) do cá nhân tự khai (*đánh máy*) và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6, chụp trong thời gian không quá 6 tháng.

---

[5] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu từ 35 đến 38 người *(tính theo số dư từ 10 đến 15%).* Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

4. Bản kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất; có nhận xét, đánh giá của chi bộ và xác nhận của đảng ủy cơ quan nơi cán bộ công tác.

5. Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quan lý cán bộ, về: *(1)* Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. *(2)* Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (*nếu có*). *(3)* Uy tín và triển vọng phát triển.

6. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.

7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (*có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định*).

9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (*có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ hoặc của cấp có thẩm quyền*).

10. Kết luận tình trạng sức khoẻ của Ban Bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh; đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương phải có giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền.

Các cấp ủy đảng chịu trách nhiệm chính trước cấp ủy cấp trên trực tiếp trong việc nhận xét, đánh giá, đề xuất, giới thiệu, kết luận vê tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu và một số nội dung liên quan khác theo quy định.

*** Lưu ý:** Các tài liệu nêu tại Mục 3, 4, 5, 6, 7, 8,10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.